

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVMTR SAU SÁP NHẬP VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2026 CỦA CHỦ RỪNG
LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂY TRÀ BỒNG

(Kèm theo báo cáo số /BCUBND ngày tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tây Trà Bồng)

ST T	Tên xã mới sáp nhập	Tên xã cũ	Tên hộ gia đình, cá nhân/Cộng đồng dân cư thôn	Vị trí khu rừng			Diện tích (ha)	Trạng thái rừng	Nguồn gốc hình thành rừng	Mục đích sử dụng	Diện tích quy đổi (ha)	Ghi chú					
				Tiểu khu	Khảo	Lô						Thông tin hộ bổ sung	CCCD	Sinh năm	Ngày cấp	Đại diện hộ hia đình/Cộng đồng dân cư	Nơi cư trú
1	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Đông	82	5	17	0,09	TXN	RTN	SX	0,08						Thôn Trà Liên
				82	5	50	0,42	TXN	RTN	SX	0,38						Thôn Trà Liên
				82	5	40	0,84	TXN	RTN	SX	0,76						Thôn Trà Liên
			Tổng				1,35				1,22						
2	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Khánh	82	5	67	0,76	TXN	RTN	SX	0,68		51082014005	1982	#####		Thôn Trà Liên
			Tổng				0,76				0,68						
3	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Nhất	79	5	117	0,6	TXK	RTN	SX	0,54		51087006383	1987	#####		Thôn Trà Liên
				79	5	104	0,42	TXK	RTN	SX	0,38		51087006383	1987	#####		Thôn Trà Liên
				79	5	83	0,53	TXN	RTN	SX	0,48		51087006383	1987	#####		Thôn Trà Liên
			Tổng				1,55				1,4						
4	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Nguyên	79	2	40	1,51	TXN	RTN	SX	1,36		51090011479	1990	#####		Thôn Trà Liên
			Tổng				1,51				1,36						
5	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Tuyên	79	3	138	1,04	TXK	RTN	SX	0,94		5109001728	1990	#####		Thôn Trà Liên
				79	3	153	0,18	TXK	RTN	SX	0,16		5109001728	1990	28/08/2021		Thôn Trà Liên
			Tổng				1,22				1,1						
6	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Quân	82	5	5	0,12	TXN	RTN	SX	0,11		51091016146	1991	#####		Thôn Trà Liên
				82	5	17c	1,27	TXN	RTN	SX	1,14		51091016146	1991	#####		Thôn Trà Liên
				82	3	71	1,48	TXN	RTN	SX	1,33		51091016146	1991	#####		Thôn Trà Liên
			Tổng				2,87				2,58						
7	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Hồ Văn Bảy	77	1	37	1,1	TXN	RTN	SX	0,99		51093011845	1993	#####		Thôn Trà Huỳnh
			Tổng				1,1				0,99						
8	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Hận	104	1	81	1,3	TXK	RTN	SX	1,17		51073015909	10-01-1973	#####		Thôn Xanh
				104	1	96	0,48	TXK	RTN	SX	0,43		51073015909	10-01-1973	#####		Thôn Xanh

9	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn án	93	9	17	0,87	TXN	RTN	SX	0,78		51077004907	07-04-1977	#####		Thôn Xanh	
				93	9	8	0,13	TXN	RTN	SX	0,12		51077004907	07-04-1977	#####		Thôn Xanh	
			Tổng				1				0,9							
10	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Quế	104	1	22	0,96	TXK	RTN	SX	0,86		51077012549	10-10-1977	#####		Thôn Xanh	
				104	1	54a	0,24	TXK	RTN	SX	0,22		51077012549	10-10-1977	#####		Thôn Xanh	
			Tổng				1,2				1,08							
11	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Minh Thí	99	3	91	0,33	TXN	RTN	SX	0,3		51078012571	06-12-1978	#####		Thôn Tây	
			Tổng				0,33				0,3							
12	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Minh Sự	104	2	10	0,72	TXN	RTN	SX	0,65		51082012123	30-03-1982	#####		Thôn Xanh	
				104	2	9	0,8	TXN	RTN	SX	0,72		51082012123	30-03-1982	#####		Thôn Xanh	
				104	2	5	0,32	TXN	RTN	SX	0,29		51082012123	30-03-1982	#####		Thôn Xanh	
			Tổng				1,84				1,66							
13	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Tý	97	6	6	1,02	TXN	RTN	SX	0,92		51083008422	22-12-1993	#####		Thôn Tre	
				97	4	136	0,27	TXN	RTN	SX	0,24		51083008422	22-12-1993	#####		Thôn Tre	
			Tổng				1,29				1,16							
14	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Phong	93	9	3	0,28	TXN	RTN	SX	0,25		51085005824	15-08-1985	#####		Thôn Vàng	
				93	9	31	1,22	TXN	RTN	SX	1,1		51085005824	15-08-1985	#####		Thôn Vàng	
			Tổng				1,5				1,35							
15	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Long	104	1	22	1,56	TXK	RTN	SX	1,4		51086015590	08-10-1986	#####		Thôn Xanh	
			Tổng				1,56				1,4							
16	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Vũ	97	4	5	1,54	TXN	RTN	SX	1,39		51088005150	16-03-1988	#####		Thôn Tre	
			Tổng				1,54				1,39							
17	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Đình Văn Mái	93	7	3	0,47	TXN	RTN	SX	0,42	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	Thôn Vàng	
			Tổng				0,47				0,42							
18	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Điệp	97	3	38	0,34	TXK	RTN	SX	0,31		51093009090	25-05-1993	#####		Thôn Tre	
				97	3	38	1,43	TXK	RTN	SX	1,29		51093009090	25-05-1993	#####		Thôn Tre	
			Tổng				1,77				1,6							
19	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Tín	104	1	75	5,39	TXK	RTN	SX	4,85		51093013897	20-10-1993	#####		Thôn Xanh	
			Tổng				5,39				4,85							
20	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Thắng	97	3	58	0,86	TXN	RTN	SX	0,77		51093017834	17-06-1993	#####		Thôn Tre	
			Tổng				0,86				0,77							
21	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Sơn	93	1	3	1,26	TXN	RTN	SX	1,13		51093018859	19-08-1993	#####		Thôn Đam	
			Tổng				1,26				1,13							
22	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Thắng	93	9	35	3,42	TXN	RTN	SX	3,08		51094006340	28-03-1994	#####		Thôn Vàng	
			Tổng				3,42				3,08							
23	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Vương	97	5	38	0,37	TXK	RTN	SX	0,33		51094006377	30-04-1994	#####		Thôn Tre	
			Tổng				0,37				0,33							
24	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Vương (vợ Thảo)	97	4	5	1,28	TXN	RTN	SX	1,15		51095007943	01-01-1995	#####		Thôn Tre	
			Tổng				1,28				1,15							
25	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Đức	93	9	71	1,28	TXN	RTN	SX	1,15		51095013240	01-06-1995	#####		Thôn Xanh	

26	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Mác	97	4	113	0,46	TXN	RTN	SX	0,41		51097022643	14-04-1997	#####		Thôn Tre
			Tổng				0,46				0,41						
27	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Minh Thông	104	1	59	1,3	TXN	RTN	SX	1,17		51071010479	03-04-1971	#####		Thôn Xanh
			Tổng				1,3				1,17						
28	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Hồ Văn Vương	104	1	89	4,22	TXN	RTN	SX	3,8		51071011698	05-08-1971	#####		Thôn Xanh
				104	1	89	1,96	TXN	RTN	SX	1,76		51071011698	05-08-1971	#####		Thôn Xanh
			Tổng				6,18				5,56						
29	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Cộng đồng dân cư thôn Trà Cương	85	6	68	5,15	TXN	RTN	SX	4,64						
			Tổng				5,15				4,64						
30	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 1, Thôn Cà Đam (Hồ Văn Đức ĐD)	85	3	80	1,89	TXN	RTN	SX	1,7		51068012369	1968	#####		Tổ 1, thôn Cà Đam
			Tổng				1,89				1,7						
31	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 2, Thôn Trà Vân (Hồ Văn Kiều ĐD)	77	8	62	0,77	TXN	RTN	SX	0,69		51076007972	1976	#####		Tổ 2, thôn Trà Vân
			Tổng				0,77				0,69						
32	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 4, Thôn Cà Đam (Hồ Sơn Khuyên ĐD)	85	2	58	0,76	TXN	RTN	SX	0,68		51087014205	1987	#####		Tổ 4, thôn Cà Đam
				85	7	6	0,63	TXN	RTN	SX	0,57		51087014205	1987	#####		Tổ 4, thôn Cà Đam
			CĐDC tổ 4, thôn Cà Đam (Hồ Sơn Khuyên ĐD)	85	6	74	1,2	TXN	RTN	SX	1,08		51087014205	1987	#####		Thôn Cà Đam
			Tổng				2,59				2,33						
33	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 3, Thôn Cà Đam (Hồ Văn Truyền ĐD)	77	9	40	0,35	TXN	RTN	SX	0,32		51090017807	1990	#####		Tổ 3, thôn Cà Đam
			Tổng				0,35				0,32						
34	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 3, Thôn Trà Vân (Hồ Văn Tuấn ĐD)	85	1	22	0,56	TXN	RTN	SX	0,5		51091016192	1991	#####		Tổ 3, Trà Vân
			Tổng				0,56				0,5						
35	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC Tổ 5, Thôn Cà Đam (Hồ Văn Linh ĐD)	85	3	49	0,42	TXN	RTN	SX	0,38		51092016726	1992	#####		Tổ 5, thôn Cà Đam
			Tổng				0,42				0,38						
36	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC thôn Trà Lương (Hồ Văn)	74	1	11	0,33	TXN	RTN	SX	0,3		51094017139	1994	#####		Thôn Trà Lương

														14	#####		Thôn Trà Lương
			Tổng				0,74				0,67						
37	Tây Trà Bồng	Hương Trà	CĐDC tổ 4, Trà Vân (Hồ Văn Sơn ĐD)	73	2	56	0,8	TXN	RTN	SX	0,72		212800930	1989	#####		Thôn Trà Vân
				73	2	4	1,21	TXN	RTN	SX	1,09		212800930	1989	#####		Thôn Trà Vân
				73	2	48	0,79	TXB	RTN	SX	0,71		212800930	1989	#####		Thôn Trà Vân
				73	2	12	1,61	TXN	RTN	SX	1,45		212800930	1989	#####		Thôn Trà Vân
				73	2	33	0,53	TXB	RTN	SX	0,48		212800930	1989	#####		Thôn Trà Vân
			Tổng				4,94				4,45						
38	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Cộng đồng dân cư thôn Trà Linh	74	8	64	0,99	TXN	RTN	SX	0,89	Hồ Văn Diên	51084009540	30-06-1984	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Linh	
			Tổng				0,99				0,89						
39	Tây Trà Bồng	Hương Trà	Cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	77	9	83	1,88	TXN	RTN	SX	1,69	Hồ Thái Biên	51065012032	15-11-1965	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	
				77	9	83a	0,21	TXN	RTN	SX	0,19	Hồ Thái Biên	51065012032	15-11-1965	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	
				73	2	40	15,88	TXB	RTN	SX	14,29	Hồ Thái Biên	51065012032	15-11-1965	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	
				73	1	3	1,69	TXN	RTN	SX	1,52	Hồ Thái Biên	51065012032	15-11-1965	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	
				77	9	85	0,23	TXN	RTN	SX	0,21	Hồ Thái Biên	51065012032	15-11-1965	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Trà Vân	
			Tổng				19,89				17,9						
40	Tây Trà Bồng	Trà Bùì	Cộng đồng dân cư Thôn Nước Nĩa	100	4	6	1,39	TXN	RTN	SX	1,25						
				100	4	61	0,94	TXN	RTN	SX	0,85						
				100	4	7	2,02	TXN	RTN	SX	1,82						
				100	4	50	1,02	TXN	RTN	SX	0,92						
				100	4	19	0,83	TXN	RTN	SX	0,75						
				100	4	37	0,49	TXN	RTN	SX	0,44						
				100	5	10	2,85	TXN	RTN	SX	2,57						
			Tổng				9,54				8,6						
41	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Cộng đồng dân cư thôn Xanh	104	2	2	4,15	TXN	RTN	SX	3,74	Hồ Quang Vinh	51091012768	20-06-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Xanh	
				93	9	6	1,49	TXN	RTN	SX	1,34	Hồ Quang Vinh	51091012768	20-06-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Xanh	
				104	1	78	2,24	TXN	RTN	SX	2,02	Hồ Quang Vinh	51091012768	20-06-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Xanh	
				104	2	13	5,78	TXN	RTN	SX	5,2	Hồ Quang Vinh	51091012768	20-06-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Xanh	
			Tổng				13,66				12,3						
			Cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	97	6	4	0,18	TXK	RTN	SX	0,16	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
				97	4	135	0,21	TXN	RTN	SX	0,19	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
				97	4	130	0,85	TXN	RTN	SX	0,77	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	

														1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
42	Tây Trà Bồng	Trà Tây		97	4	128	4,95	TXN	RTN	SX	4,46	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
			Cộng đồng dân cư thôn Tre	106	1	33	23,01	TXN	RTN	SX	20,71	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tre (nay đã sát nhập vào thôn Nước Biếc)	
				106	1	24	17,73	TXN	RTN	SX	15,96	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tre (nay đã sát nhập vào thôn Nước Biếc)	
			Cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	97	4	111	3,74	TXN	RTN	SX	3,37	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
				97	6	3	0,28	TXN	RTN	SX	0,25	Hồ Văn Vương	51094006377	30-04-1994	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc	
			Tổng				52,32				47,1						
43	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Cộng đồng dân cư thôn Đam	93	1	4	0,1	TXN	RTN	SX	0,09	guyễn Văn Hiế	51081005442	08-05-1981	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Đam	
			Tổng				0,1				0,09						
44	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Cộng đồng dân cư thôn Vàng	93	5	32	0,3	TXN	RTN	SX	0,27	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	
				93	5	28	0,52	TXK	RTN	SX	0,47	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	
				93	5	9	6,38	TXN	RTN	SX	5,74	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	
				93	7	3	0,42	TXN	RTN	SX	0,38	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	
				93	7	1	0,8	TXN	RTN	SX	0,72	Hồ Văn Vĩ	51096005094	07-05-1996	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Vàng	
			Tổng				8,42				7,58						
45	Tây Trà Bồng	Trà Tây	Cộng đồng dân cư thôn Tây	99	5	21	41,52	TXN	RTN	SX	37,37	uỳnh Công Tr	51091005248	20-01-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tây	
				99	5	7	0,42	TXN	RTN	SX	0,38	uỳnh Công Tr	51091005248	20-01-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tây	
				99	5	26	0,17	TXN	RTN	SX	0,15	uỳnh Công Tr	51091005248	20-01-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tây	
				99	5	30	0,46	TXN	RTN	SX	0,41	uỳnh Công Tr	51091005248	20-01-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tây	
				99	5	31	0,33	TXN	RTN	SX	0,3	uỳnh Công Tr	51091005248	20-01-1991	#####	Đại diện cộng đồng dân cư thôn Tây	
			Tổng				42,9				38,61						
			Tổng chung				211,67				190,54						

165,23
46,44

